

Bản án số: 400/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Hoàng Sĩ Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 518/2024/HNGĐ-TLST ngày 09/10/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 28/11/1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn H**, sinh ngày 25/8/1985.

Địa chỉ: Xóm B, Thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Chị K, anh H đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 07/12/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019 chị K sang Nhật Bản lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên gọi điện thoại, liên lạc hỏi thăm gia đình và tình hình học tập của các con. Năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần chị K gọi điện về vợ chồng thường xảy ra xung đột, dẫn đến

tình cảm bị mai một. Tháng 9/2024 chị về Việt Nam thăm gia đình nhưng không sống cùng anh H, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đã đơn ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Hoàng Văn H1, sinh ngày 30/8/2008 và Hoàng Văn H2, sinh ngày 06/7/2010. Trong thời gian chị ở nước ngoài, hai con ở với bố, hàng tháng chị đều gửi tiền để nuôi các con. Nay ly hôn chị và anh H thỏa thuận, anh H nuôi cháu H1, chị nuôi cháu H2. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L chăm sóc cháu H2.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau này nếu không thỏa thuận được tài sản, nợ chung, chị sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị K tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Hoàng Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 07/12/2007. Quá trình chung sống vợ chồng từng xảy ra mâu thuẫn nhưng đã được gia đình hai bên hòa giải, động viên. Năm 2019 chị K đi nước ngoài, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm, vợ chồng vẫn hòa thuận. Tháng 9/2024 chị K về Việt Nam nhưng không về nhà ở cùng bố con anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn ly hôn. Bản thân anh không muốn vợ chồng ly hôn, tuy nhiên chị K kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh và chị K có hai con chung như chị K trình bày là đúng, hiện cả hai con đang được anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu H1, anh đồng ý để chị K nuôi cháu H2. Trong thời gian chị K không ở Việt Nam anh sẽ nuôi hai con, yêu cầu chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu H2 là 3.000.000đồng/tháng. Đến khi nào chị K về Việt Nam, anh đồng ý để chị K đón con.

Cháu Hoàng Văn H1 và cháu Hoàng Văn H2 là con chung của chị K, anh H. Cháu H1 có nguyện vọng ở với bố, cháu H2 có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Do điều kiện công việc, ngày 27/9/2024 chị K quay lại Nhật Bản lao động nên đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L giao, nhận các văn bản tại Tòa án. Bà L có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị K. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bà đã thông tin cho chị K biết, chị K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh H. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị đồng ý để anh H

tiếp tục nuôi cháu H2. Chi đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu H2 là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi chị về Việt Nam thực hiện việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị K được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung Hoàng Văn H1, sinh ngày 30/8/2008 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Hoàng Văn H2, sinh ngày 06/7/2010 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị K không ở Việt Nam tiếp tục giao cháu H2 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H là 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12/2024. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn H đều có Hộ khẩu thường trú tại Xóm B, thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị K đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu của chị Nguyễn Thị K gồm: Đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A. Do vậy, có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị K.

Quá trình giải quyết vụ án chị K, anh H đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 07/12/2007, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, hai bên thiếu sự chia sẻ, quan tâm dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn ly hôn anh H. Anh H mặc dù không

muốn vợ chồng ly hôn, nhưng cũng không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời có quan điểm nếu chị K kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án chị K vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H. Như vậy mâu thuẫn giữa chị K và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị K.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn H có hai con chung là Hoàng Văn H1, sinh ngày 30/8/2008 và Hoàng Văn H2, sinh ngày 06/7/2010. Ly hôn chị K, anh H thỏa thuận chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, đồng thời thỏa thuận anh H vẫn tiếp tục nuôi cháu H2 cho đến khi chị K về Việt Nam. Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con, do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị K và anh H.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị K cấp dưỡng tiền nuôi cháu H2 là 3.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Văn H1, sinh ngày 30/8/2008 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Hoàng Văn H2, sinh ngày 06/7/2010 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị K không ở Việt Nam, tiếp tục giao cháu H2 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị K cấp dưỡng tiền nuôi cháu H2 cùng anh H mỗi tháng là 3.000.000đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi chị K về Việt Nam trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2.

Chị Nguyễn Thị K, anh Hoàng Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị K không thi hành khoản tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005205 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị K còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Hoàng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Sơn.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền